TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 25-9-2018
V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Nguyễn Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 164/2018/TLST-HNGĐ ngày 23/5/2018 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị B**, sinh năm 19XX.

Địa chỉ: Số A, khóm T, phường A1, TP. S, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn C**, sinh năm 19YY.

Địa chỉ: Số B1, R, khóm T1 phường A1, TP. S, tỉnh Đồng Tháp.

Chị B có mặt, anh C vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/5/2018, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị B và anh C chung sống từ năm 2008, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 10/3/2008 tại UBND phường A1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi kết hôn chị B và anh C có tìm hiểu nhau được khoảng 01

năm, sau khi cưới về sống chung bên nhà C, đến năm 2013 thì vợ chồng ra cất nhà riêng sống (đất mẹ chồng cho ở nhờ). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng 02 năm trở lại đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh C thường xuyên nhậu nhẹt về kiếm chuyện gây gỗ và đánh đập chị B. Chị B nhiều lần khuyên anh C thay đổi tính tình, hạn chế nhậu nhẹt để làm ăn lo cho gia đình nhưng anh C không sửa đổi được. Từ tháng 9/2017 chị B sống ly thân với anh C cho đến nay. Nay chị B xác định không còn tình cảm với anh C, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị B yêu cầu ly hôn anh C.

- Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn H, sinh ngày 10/9/20ZZ, hiện đang sống với chị B. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 31/5/2018 bị đơn anh Nguyễn C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh C và chị B quen và tìm hiểu nhau từ năm 2007, năm 2008 thì tổ chức đám cưới. Ngày 10/3/2008 đăng ký kết hôn tại UBND phường A1, thành phố S. Sau khi cưới, anh C và chị B cất nhà riêng trên đất của cha mẹ anh C cho ở. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do chị B thường xuyên nhắn tin, điện thoại với bạn trai, anh C hỏi chị B thì chị B không thừa nhận, chị B còn nói với anh C không còn thương anh C nữa, chị B đề nghị chia tay với anh C. Nhiều lần anh C trao đổi với chị B nhưng chị B không chịu sửa đổi dẫn đến vợ chồng gây gỗ, cãi vã, trong lúc nóng giận anh C có bóp cổ chị B, nhưng không có đánh chị B. Đến tháng 9/2017 thì chị B giận bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Anh C đồng ý ly hôn chị B.

- Về con chung: Anh B thống nhất lời khai với chị B vợ chồng chung sống có 01 con tên Nguyễn H, sinh ngày 10/9/20ZZ, hiện đang sống với chị B. Khi ly hôn, anh C đồng ý để chị B được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con, anh C không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tại biên bản ghi lời khai ngày 31/5/2018, anh C trình bày có 01 chiếc xe hiệu Vison, trị giá 37.500.000đ, do anh C đứng tên; 01 bộ vòng simen 18k 21 chiếc, trị giá khoảng 21.000.000đ; 01 sợi dây chuyền vàng 18k trị giá khoảng 4.000.000đ; 02 chiếc lắc tay trị giá khoảng 18.000.000đ; 03 chiếc nhẫn vàng 18k khoảng 3.000.000đ (tất cả tài sản trên chị B đang quản lý, sử dụng) và 01 tủ lạnh khoảng 5.400.000đ, 01 thùng hát kẹo kéo khoảng 3.800.000đ, 01 tủ quần áo trị giá khoảng 1.200.000đ (hiện anh C đang quản lý sử dụng), khi ly hôn anh C yêu cầu chia đôi số tài sản trên. Tuy nhiên, sau đó Tòa án đã ra thông báo yêu cầu anh C cung cấp tài liệu chứng cứ và tiến hành các thủ tục tố tụng liên quan yêu cầu chia tài sản chung và đồng thời triệu tập

anh C nhiều lần đến Tòa án để tiến hành các thủ tục thụ lý yêu cầu chia tài sản chung của anh C nhưng anh không đến.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại biên bản hỏi ý kiến con ngày 14/6/2018, cháu Nguyễn H trình bày: Khi cha, mẹ khi ly hôn, không còn sống chung với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị B.

** Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị B. Về con chung: Giao cháu Nguyễn H, sinh ngày 10/9/20ZZ (hiện đang sống với chị B) cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, chị B không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn C đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp và có đến Tòa án cung cấp lời khai vào ngày 31/5/2018. Sau đó Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh C không đến. Do đó, căn cứ vào Điểm b, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh C.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Xét thấy chị Trần Thị B và anh Nguyễn C chung sống vợ chồng từ năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/3/2008 tại UBND phường A1, thành phố S nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị B và anh C đều thừa nhận thời gian đầu sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị B và anh C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Về phía chị B cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh C sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt về kiếm chuyện gây gỗ và đánh đập chị, chị B nhiều lần khuyên anh C thay đổi tính tình, hạn chế nhậu nhẹt để làm ăn lo cho gia đình nhưng anh C

không sửa đổi. Về phía anh C cũng thừa nhận trong lúc nóng giận có bóp cổ chị B, nhưng không có đánh chị B, còn nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị B thường xuyên nhắn tin, điện thoại với bạn trai, anh C hỏi chị B thì chị B không thừa nhận, chị B còn nói với anh C không còn thương anh C nữa, anh C đã nhiều lần trao đổi với chị B nhưng chị B không chịu sửa đổi dẫn đến vợ chồng gây gỗ, cãi vã. Đến tháng 9/2017 thì chị B giận bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Anh C cũng đồng ý ly hôn với chị B.

Tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh C không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Bản thân anh C trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án mời nhiều lần nhưng không đến để Tòa án ghi nhận ý kiến cũng như hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống. Như vậy, nếu chị B và anh C đoàn tụ tiếp tục sống chung thì cũng không có hạnh phúc. Mặt khác, việc chị B yêu cầu ly hôn, anh C cũng đồng ý, chứng tỏ mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị B xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung*: Khi ly hôn, chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn H, sinh ngày 10/9/20ZZ và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con và tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2018 anh C cũng đồng ý giao cháu H cho chị B nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu H đang sống ổn định với chị B, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần, nguyện vọng của cháu cũng mong muốn được tiếp tục chung sống với chị B. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục giao cháu H cho chị B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu trong sinh hoạt, học tập. Anh C được quyền tới lui thăm nom con, không ai được quyền cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung:* Chị B không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh C vắng mặt tại phiên tòa. Về tài sản chung tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2018, anh C trình bày khi ly hôn yêu cầu chia tài sản. Vào ngày 18/6/2018, Tòa án ban hành thông báo số 27/TB-TA về việc yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu chứng cứ liên quan đến tài sản chung và tiến hành các thủ tục tố tụng

liên quan đến yêu cầu chia tài sản nhưng anh C không đến Tòa án, không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trong trường hợp anh C có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền yêu cầu khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

- *Về nợ chung*: Chị B và anh C xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật và nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị B nộp toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị B. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị B và anh Nguyễn C.

2. Về nuôi con chung:

- Chị Trần Thị B được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn H, sinh ngày 10/9/2008, hiện con đang sống với chị B.

- Chị Trần Thị B không yêu cầu anh Nguyễn C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

- Anh Nguyễn C có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung*:* Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung*:* Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị B nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp ngày 23/5/2018 theo biên lai thu số 0004521 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND Phường A1, TP. S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Tuấn Em